

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 910/QĐ-SGDĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2022-2023 loại hình công lập

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022-2023;

Căn cứ tình hình cơ sở vật chất, mạng lưới trường lớp và yêu cầu phát triển giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố tại Tờ trình số 06/TTr-KHTC-TS ngày 12 tháng 4 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

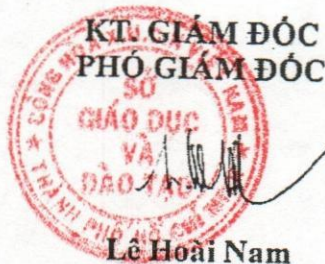
Điều 1. Nay giao chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2022-2023 cho các trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học, loại hình công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ, Trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Trưởng phòng Giáo dục Trung học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Hiệu trưởng các trường có tên nơi điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Giám đốc Sở "để báo cáo";
- Lưu: VT, (KHTC_Cường) ✓



CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2022-2023 (HỆ CÔNG LẬP)

(Đính kèm theo Quyết định số 910 /QĐ-SGDĐT ngày 20/4/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên đơn vị	Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2022-2023		Trong đó:							Ghi chú	
				Lớp 10 thường, lớp 10 tích hợp		Lớp 10 Song ngữ, NN 1 tiếng Đức		Lớp 10 chuyên, năng khiếu TDTT				
				Số lớp 10	Số học sinh lớp 10	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Môn chuyên, Năng khiếu		
1	THPT Thủ Thiêm	14	630	14	630							
2	THPT Giồng Ông Tố	10	450	10	450							
3	THPT Nguyễn Văn Tăng	17	765	17	765							
4	THPT Nguyễn Huệ	15	675	15	675							
5	THPT Long Trường	17	765	17	765							
6	THPT Phước Long	12	540	12	540							
7	THPT Dương Văn Thi	11	495	11	495							
8	THPT Bình Chiểu	18	810	18	810							
9	THPT Nguyễn Hữu Huân	16	660	11	485			5	175	Văn (35); Toán (35); Lý (35); Hóa(35); Tiếng Anh (35).	Trong đó: Có 02 lớp tích hợp- 70 học sinh.	
10	THPT Thủ Đức	18	810	18	810						Trong đó: Có 01 lớp tích hợp- 35 học sinh.	
11	THPT Hiệp Bình	14	630	14	630							
12	THPT Linh Trung	19	855	19	855							
13	THPT Đào Sơn Tây	17	765	17	765							
14	THPT Tam Phú	14	630	14	630							
15	Phổ thông Năng khiếu thể thao Olympic	2	40					2	40	NK TDTT.		
16	THPT Trưng Vương	15	675	15	675							
17	THPT Bùi Thị Xuân	17	745	17	745						Trong đó: Có 02 lớp tích hợp- 70 học sinh.	
18	THPT Ten Lơ Man	12	540	12	540							
19	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	15	545	5	195	1	35	9	315	Văn (35); Toán (35); Lý (35); Hóa (35); Sinh (35); Tiếng Anh (105); Tin (35).	Trong đó: Có 03 lớp tích hợp- 105 học sinh.	
20	THPT Lương Thế Vinh	8	340	8	340						Trong đó: Có 03 lớp tích hợp- 105 học sinh.	
21	THPT Năng Khiếu TDTT	7	210	7	210							
22	Phân hiệu THPT Lê Thị Hồng Gấm	10	450	10	450							
23	THPT Lê Quý Đôn	16	560	16	560							
24	THPT Marie Curie	30	1.200	29	1.155	1	45				FIEF (45).	
25	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	16	690	14	620	2	70				Trong đó: Có 01 lớp tích hợp- 35 học sinh; FIEF (70).	

STT	Tên đơn vị	Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2022-2023		Trong đó:							Ghi chú
				Lớp 10 thường, lớp 10 tích hợp		Lớp 10 Song ngữ, NN 1 tiếng Đức		Lớp 10 chuyên, năng khiếu TĐTT			
				Số lớp 10	Số học sinh lớp 10	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Môn chuyên, Năng khiếu	
26	THPT Nguyễn Thị Diệu	15	675	15	675						
27	THPT Nguyễn Hữu Thọ	17	765	17	765						
28	THPT Nguyễn Trãi	13	585	13	585						
29	THPT chuyên Lê Hồng Phong	26	890	6	250	1	45	19	595	Văn (70); Toán (105); Lý (70); Hóa (70); Sinh (35); Tiếng Anh (105); Tin (35); Tiếng Trung (20); Tiếng Nhật(15) ; Tiếng Pháp (35); Sử (17); Địa (18).	Trong đó: Có 02 lớp tích hợp- 70 học sinh; FIEF (45).
30	Trung học Thực hành Đại học Sư phạm	10	350	10	350						
31	Phổ thông Năng Khiếu (thuộc Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh)	17	595					17	595	Văn (35); Toán (70); Lý (35); Hóa (35); Sinh (35); Tiếng Anh (70); Tin (35); Chuyên KHTN và Công nghệ (210); Chuyên KHXH (70).	
32	THPT Trần Khai Nguyên	16	720	16	720						
33	THPT Trần Hữu Trang	8	360	8	360						
34	THPT Hùng Vương	24	1.080	24	1.080						
35	Trung học thực hành Sài Gòn	4	140	4	140						
36	THPT Phạm Phú Thứ	15	675	15	675						
37	THPT Bình Phú	15	675	15	675						
38	THPT Nguyễn Tất Thành	16	720	16	720						
39	THPT Mạc Đĩnh Chi	24	1.020	18	810			6	210	Văn (35); Toán (35); Lý (35); Hoá (35); Sinh(35); Tiếng Anh (35).	
40	Trường Quốc tế Việt Nam - Phần Lan	1	24	1	24						
41	THPT Ngô Quyền	14	630	14	630						
42	THPT Lê Thánh Tôn	13	585	13	585						
43	THPT Tân Phong	14	630	14	630						
44	THPT Nam Sài Gòn	5	225	5	225						
45	THPT Lương Văn Can	15	675	15	675						
46	THPT Tạ Quang Bửu	13	585	13	585						
47	THPT Nguyễn Văn Linh	17	765	17	765						
48	THPT Võ Văn Kiệt	13	585	13	585						
49	THPT Ngô Gia Tự	15	675	15	675						
50	THPT Chuyên Năng khiếu TĐTT Nguyễn Thị Định	15	635	11	495			4	140	NK TĐTT.	
51	THPT Nguyễn An Ninh	15	675	15	675						
52	THPT Nguyễn Khuyến	15	675	15	675						

STT	Tên đơn vị	Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2022-2023		Trong đó:							Ghi chú	
				Lớp 10 thường, lớp 10 tích hợp		Lớp 10 Song ngữ, NN 1 tiếng Đức		Lớp 10 chuyên, năng khiếu TĐTT				
				Số lớp 10	Số học sinh lớp 10	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Môn chuyên, Năng khiếu		
53	THPT Nguyễn Du	17	595	17	595							
54	THCS và THPT Trương Nguyệt Anh	6	270	6	270							
55	THCS và THPT Diên Hồng	10	450	10	450							
56	THPT Trần Quang Khải	18	810	18	810							
57	THPT Nguyễn Hiền	14	490	14	490							
58	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	15	675	15	675							
59	THPT Võ Trường Toản	15	675	15	675							
60	THPT Trương Chính	18	810	18	810							
61	THPT Thanh Lộc	14	630	14	630							
62	THPT Nguyễn Thượng Hiền	19	775	14	600			5	175	Văn (35); Toán (35); Lý (35); Hóa (35); Tiếng Anh (35).	Trong đó: Có 03 lớp tích hợp-105 học sinh.	
63	THPT Nguyễn Thái Bình	15	675	15	675							
64	THPT Nguyễn Chí Thanh	15	675	15	675							
65	THPT Trần Phú	18	810	18	810							
66	THPT Lê Trọng Tấn	15	675	15	675							
67	THPT Tân Bình	15	675	15	675							
68	THPT Tây Thạnh	20	900	20	900							
69	THPT Gò Vấp	13	585	13	585							
70	THPT Trần Hưng Đạo	20	900	20	900							Trong đó: Có 02 lớp tích hợp-70 học sinh.
71	THPT Nguyễn Công Trứ	19	855	19	855							
72	THPT Nguyễn Trung Trực	20	900	20	900							
73	THPT Võ Thị Sáu	19	855	19	855							Trong đó: Có 01 lớp tích hợp-35 học sinh.
74	THPT Phan Đăng Lưu	15	675	15	675							
75	THPT Hoàng Hoa Thám	18	810	18	810							
76	THPT Trần Văn Giàu	16	720	16	720							
77	THPT Gia Định	24	1.000	18	790			6	210	Văn (35); Toán (35); Lý (35); Hóa (35); Tiếng Anh (35); Tin (35).	Trong đó: Có 03 lớp tích hợp-105 học sinh.	
78	THPT Thanh Đa	11	495	11	495							
79	THPT Phú Nhuận	19	825	19	825							Trong đó: Có 03 lớp tích hợp-105 học sinh.
80	THPT Hàn Thuyên	14	630	14	630							
81	THPT An Lạc	15	675	15	675							
82	THPT Bình Hưng Hòa	16	720	16	720							
83	THPT Vĩnh Lộc	13	585	13	585							
84	THPT Nguyễn Hữu Cánh	14	630	14	630							
85	THPT Bình Tân	16	720	16	720							
86	THPT Tân Túc	17	765	17	765							
87	THPT Bình Chánh	20	900	20	900							

STT	Tên đơn vị	Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2022-2023		Trong đó:							Ghi chú	
				Lớp 10 thường, lớp 10 tích hợp		Lớp 10 Song ngữ, NN 1 tiếng Đức		Lớp 10 chuyên, năng khiếu TDTT				
				Số lớp 10	Số học sinh lớp 10	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Môn chuyên, Năng khiếu		
88	THPT Đa Phước	17	765	17	765							
89	THPT Năng khiếu TDTT Huyện Bình Chánh	17	750	16	720				1	30	NK TDTT.	
90	THPT Lê Minh Xuân	16	720	16	720							
91	THPT Phong Phú	23	1.035	23	1.035							
92	THPT Vĩnh Lộc B	19	855	19	855							
93	THPT Củ Chi	17	765	17	765							
94	THPT An Nhơn Tây	16	720	16	720							
95	THPT Phú Hòa	12	540	12	540							
96	THPT Quang Trung	15	675	15	675							
97	THPT Trung Phú	17	765	17	765							
98	THPT Tân Thông Hội	13	585	13	585							
99	THPT Trung Lập	12	540	12	540							
100	THPT Bà Điểm	14	630	14	630							
101	THPT Nguyễn Hữu Tiến	11	495	11	495							
102	THPT Hồ Thị Bi	17	765	17	765							
103	THPT Lý Thường Kiệt	11	495	11	495							
104	THPT Nguyễn Hữu Cẩu	14	630	14	630							Trong đó: Có 01 lớp tích hợp- 35 học sinh.
105	THPT Phạm Văn Sáng	14	630	14	630							
106	THPT Nguyễn Văn Cừ	13	585	13	585							
107	THPT Dương Văn Dương	13	585	13	585							
108	THPT Long Thới	8	360	8	360							
109	THPT Phước Kiển	14	630	14	630							
110	THPT Cần Thạnh	9	405	9	405							
111	THPT An Nghĩa	9	405	9	405							
112	THPT Bình Khánh	8	360	8	360							
113	THCS và THPT Thạnh An	2	80	2	80							
114	THPT Quốc Tế Việt Úc	4	90	4	90							

* Ghi chú: Trường tuyển sinh Ngoại ngữ 1, Ngoại ngữ 2 thực hiện theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022-2023. V/L